

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST

Ngày 07-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chung và bà Vương Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: **B**), sinh năm 1985 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị N; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giữ ngày 08-11-2018, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Di Linh, có mặt.

2. **Trần Thăng L** (tên gọi khác: **T**), sinh năm 1985 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thăng P và bà Nguyễn Thị L; Vợ Phạm Thị N, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2009; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giữ ngày 08-11-2018, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Di Linh, có mặt.

- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M (tên khác: M), sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Thảo N, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Bà Đinh Thị Ánh H (tên gọi khác: B, H), sinh năm 1971

Địa chỉ liên hệ: đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Bà Hà Thị Mỹ P (tên khác: P), sinh năm 1967

Nơi cư trú: đường L, Tổ 10, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

5. Ông Huỳnh Thanh S (tên khác: A), sinh năm 1983

Nơi cư trú: đường N, Tổ 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

6. Bà Vũ Thị N (tên gọi khác: N), sinh năm 1967

Nơi cư trú: đường L, Tổ 10, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

7. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1966

Nơi cư trú: đường L, Tổ 11, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

8. Bà Phan Thị N (tên gọi khác: N), sinh năm 1969

Nơi cư trú: đường L, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

9. Bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác: T), sinh năm 1970

Nơi cư trú: đường H, Tổ 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

10. Bà Trần Thị Minh T (tên gọi khác: T), sinh năm 1972

Nơi cư trú: đường T, Tổ 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

11. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1977

Nơi cư trú: đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: đường H, Tổ 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó Nguyễn Văn T và Trần Thăng L có cho bà Nguyễn Thị M và mẹ của bà M mỗi người vay số tiền 6.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 24 ngày, 01 ngày trả cả gốc và lãi là 300.000 đồng, ngoài ra mẹ bà M đứng ra nhận cho bà Ka H vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 24 ngày, 01 ngày trả cả gốc và lãi là 250.000 đồng. Các đối tượng quy 03 đầu nợ trên buộc bà M phải trả đến tháng 5 thì không tìm được bà M để thu nợ, bà M còn nợ khoảng 10.000.000 đồng và nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M lẩn tránh không trả.

Vào khoảng 09 giờ ngày 08-11-2018 Nguyễn Văn T và Trần Thăng L nghe tin bà M

trúng vé số có tiền và đang đi cúng Miếu ở đường đèo thuộc xã G, D nên rủ nhau đi tìm gặp bà M. Khi đi T và L bàn nhau nếu gặp bà M, bà M không trả tiền thì đánh dần mặt để thu tiền cho bằng được. Khi đến Miếu gặp bà M thì T và L hỏi bà M về số nợ, bà M nói khi nào đến mùa thì sẽ trả thì T và L dùng tay, chân đánh bà M, T nhặt thanh tre ở đường đánh tiếp bà M yêu cầu phải trả nợ. Sau đó, T yêu cầu bà M phải lên xe máy cho L chở về nhà bà M lấy số tiền 10.000.000 đồng, do bị đánh đau và đe dọa nên bà M phải lên xe đi cùng để về nhà tại xã B, D lấy tiền trả cho T và L. Trên đường đi thì ghé vào một quán nước, L đến nắm túi bà M kiểm tra và yêu cầu bà M có tiền thì trả để trừ nợ, bà M móc túi đưa 500.000 đồng cho L. L lấy 200.000 đồng trả tiền nước, thuốc còn lại 300.000 đồng L cất giữ. Sau đó, các đối tượng cùng bà M lên xe máy tiếp tục đi về, khi về đến ngã ba B, D thì bà M giả vờ nói xin đi vệ sinh rồi bỏ chạy trốn và nhờ gia đình trình báo Cơ quan công an sự việc trên.

Quá trình mở rộng điều tra vụ án xác định trong thời gian từ khoảng tháng 3-2018 đến tháng 11-2018 Nguyễn Văn T, Trần Thăng L hoạt động cho vay trả góp lãi suất cao với phương thức T và L cho người vay phải trả góp ngày, trong 01 kỳ vay là 24 ngày phải trả cả lãi và gốc, ngoài ra T và L còn thu của người vay một khoản tiền phí dịch vụ. Quá trình cho vay và trả tiền thì T nhập vào 01 file quản lý lưu trong điện thoại của mình. Quá trình điều tra đã chứng minh T và L cho 12 người vay đứng 26 tên khác nhau (01 người vay dưới nhiều tên gọi khác) với tổng số tiền cho vay 608.000.000 đồng, lãi suất cho vay tính theo Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29-9-2017 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam “Quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng” là 304%/năm, cao gấp 15,26 lần lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (quy định lãi suất 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 104.821.644 đồng, cụ thể T và L đã cho những người vay như sau:

1. Huỳnh Thị Thảo N vay 03 dây 10.000.000 đồng, trả góp 500.000 đồng/ngày/01 dây, 1.500.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành 02 dây* thu được 25.000.000 đồng, 01 dây đang thu được 3.000.000 đồng. Vay 02 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày/01 dây, 500.000 đồng tiền phí, 01 dây thu được 6.250.000 đồng, 01 dây thu được 4.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 5.921.233 đồng;

2. Đinh Thị Ánh H vay 03 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày/01 dây, 750.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành 02 dây*; vay 01 dây 2.000.000 đồng, trả góp 100.000 đồng/ngày/01 dây, 50.000 đồng tiền phí *đã hoàn thành*. Vay 01 dây 4.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày, 100.000 đồng tiền phí, đang thu được 1.100.000 đồng, thu lợi bất chính 2.792.193 đồng;

3. Hà Thị Mỹ P vay 02 dây 4.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày/01 dây, 400.000 đồng tiền phí, *01 dây đã hoàn thành*, thu lợi bất chính 947.397 đồng;

4. Nguyễn Thị M vay 02 dây 6.000.000 đồng, trả góp 300.000 đồng/ngày/01 dây, 600.000 đồng tiền phí, chưa hoàn thành. Vay 01 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày, 250.000 đồng tiền phí, thời hạn trả là 24 ngày, chưa hoàn thành, chưa thu lợi bất chính;

5. Huỳnh Thanh S vay 02 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày/01 dây, 500.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành 01 dây*; thu lợi bất chính 934.247 đồng;

6. Vũ Thị N vay 03 dây 4.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày/01 dây, không

thu tiền phí, *đã hoàn thành 02 dây*, thu lợi bất chính 2.242.191 đồng;

7. Vũ Thị T vay 04 dây 6.000.000 đồng, trả góp 300.000 đồng/ngày/01 dây, 1.200.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành 04 dây*. Vay 07 dây 10.000.000 đồng, trả góp 500.000 đồng/ngày, 3.500.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành 06 dây*, thu lợi bất chính 19.895.342 đồng;

8. Phan Thị N vay 01 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày, 250.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành*. Vay 06 dây 7.000.000 đồng, trả góp 350.000 đồng/ngày/01 dây, 2.100.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành 05 dây*, thu lợi bất chính 9.473.972 đồng;

9. Nguyễn Thị T vay 06 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày/01 dây, 1.350.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành 05 dây*. Vay 01 dây 7.000.000 đồng, trả góp 350.000 đồng/ngày, 300.000 đồng tiền phí, *đã hoàn thành*, thu lợi bất chính 7.429.180 đồng;

10. Trần Thị Minh T vay 04 dây 6.000.000 đồng, trả góp 300.000 đồng/ngày/01 dây, 1.200.000 đồng tiền phí, *hoàn thành 04 dây*. Vay 04 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày/01 dây, thu 1.000.000 đồng tiền phí, *hoàn thành 03 dây*. Vay 07 dây 4.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày/01 dây, thu 1.400.000 đồng tiền phí, *hoàn thành 06 dây*, thu lợi bất chính 14.921.507 đồng;

11. Nguyễn Thị Diễm T vay 12 dây 10.000.000 đồng, trả góp 500.000 đồng/ngày/01 dây, 6.000.000 đồng tiền phí, *hoàn thành 08 dây*. Vay 06 dây 5.000.000 đồng, trả góp 250.000 đồng/ngày/01 dây, thu 1.500.000 đồng tiền phí, *hoàn thành 04 dây*. Vay 01 dây 6.000.000 đồng, trả góp 300.000 đồng/ngày, thu 300.000 đồng tiền phí, *chưa hoàn thành*, thu lợi bất chính 23.684.932 đồng;

12. Nguyễn Thị Thanh V vay 02 dây 15.000.000 đồng, trả góp 750.000 đồng/ngày/01 dây, 1.500.000 đồng tiền phí, *hoàn thành 02 dây*. Vay 06 dây 10.000.000 đồng, trả góp 500.000 đồng/ngày/01 dây, thu 3.000.000 đồng tiền phí, *hoàn thành 04 dây*, thu lợi bất chính 16.579.452 đồng.

Ngoài những người nêu trên, T và L còn cho nhiều người khác vay, quá trình điều tra chưa xác minh được nhân thân lai lịch. Đối với hành vi cho vay trên địa bàn huyện Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh đã có công văn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Trọng xác minh giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra:

01 cây gậy ống tre dài 83cm, đường kính khoảng 04cm (do Tùng sử dụng);

Thu giữ của Nguyễn Văn T 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, số tiền 2.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi;

Thu giữ của Trần Thăng L 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, số tiền 1.200.000 đồng (trong đó 300.000 đồng đã chiếm đoạt của bà M) và 01 điện thoại di động hiệu Wiko.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị M số tiền 10.000.000 đồng (gồm 500.000 đồng đã chiếm đoạt và 9.500.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe), bà M có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 28/CTr-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thăng L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thăng L mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thăng L từ 09 đến 12 tháng tù, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của hai bị cáo tính từ ngày 08-11-2018. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt hai tội của các bị cáo.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung phạt Nguyễn Văn T phải nộp số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét giải quyết, về hình phạt bị hại đề nghị giảm nhẹ cho hai bị cáo. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 104.821.644 đồng, tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 88, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.700.000 đồng T, L chiếm đoạt của bà M và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận là tiền thu lợi bất chính; 02 điện thoại di động là công cụ, phương tiện phạm tội. Tịch thu và tiêu hủy 01 cây gậy ống tre dài 83cm, đường kính khoảng 04cm. Trả lại cho Tùng 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe cho Nguyễn Văn T, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho Luân 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân cho Trần Thăng L nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng:

* *Nguyễn Văn T*: Bị cáo nhận ra hành vi của mình là sai trái, bị cáo ăn năn hối cải hành vi của mình làm, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về quê làm công dân tốt.

* *Trần Thăng L*: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo về quê báo hiếu phụng dưỡng bố mẹ, làm công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thăng L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, T và L dùng vũ lực và đe dọa sẽ dùng vũ lực và có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần buộc bà Nguyễn Thị M về nhà trả số tiền nợ 10.000.000 đồng, do lo sợ bà M phải đi cùng T và L để về nhà trả tiền, trên đường về các bị cáo chiếm đoạt được 500.000 đồng; Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2018 T và L đã có hành vi cho 12 người vay trả góp với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,26 lần lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (lãi suất 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 104.821.644 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận điều tra và cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thăng L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, các bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt chính là phạt tiền. Do đó, khi lượng hình cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng: Căn cứ vào trích lục tiền án, tiền sự và lý lịch thể hiện: Bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thăng L không có tiền án, tiền sự trong tàng thư, cơ sở dữ liệu Nhà nước quản lý.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội gia đình hai bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị

cáo T và L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bỏ để bị cáo T, ông Nguyễn Văn L là thương binh loại A, là người có công với cách mạng nên áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng đối với bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Trong vụ án này, bị cáo T và L là đồng phạm, cố ý cùng thực hiện một tội phạm; bị cáo T là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm, và cũng là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo L là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm. Xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội thì cả hai cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi đã thực hiện.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét giải quyết, về hình phạt bị hại đề nghị giảm nhẹ cho hai bị cáo. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 104.821.644 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu tám trăm hai mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) tiền thu lợi bất chính để sung vào công quỹ Nhà nước (Bị cáo L chỉ là người làm thuê cho T).

[5] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 88, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy 01 cây gậy ống tre dài 83cm, đường kính 04cm.

- Trả lại cho chủ sở hữu bị cáo Nguyễn Văn T những tài sản thu giữ không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội: 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho chủ sở hữu bị cáo Trần Thăng L những tài sản thu giữ không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội: 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thăng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội gồm 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi; 01 điện thoại di động hiệu Wiko; Số tiền 3.700.000 đồng T, L chiếm đoạt của bà M (300.000 đồng) và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận là tiền thu lợi bất chính, đã thu giữ theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 08-11-2018, đã được Công an huyện Di Linh nộp vào Ngân sách nhà nước theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước mã hiệu LDO660118, số CT 0008139 ngày 26-11-2018.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-4-2019).

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu trắng-đen-bạc, biển số 36B5-50284 thu giữ của ông Nguyễn Văn D theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 26-11-2018, Công an huyện Di Linh đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ông Trần Thăng H, sinh năm 1993, địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, không có thắc mắc, khiếu nại gì nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thăng L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

** Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:*

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, cộng lại thành hình phạt chung là 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-11-2018.

** Đối với bị cáo Trần Thăng L:*

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thăng L 15 (mười lăm) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thăng L 09 (chín) tháng tù, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, cộng lại thành hình phạt chung là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-11-2018.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt tiền Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp khoản thu lợi bất chính số tiền 104.821.644 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu tám trăm hai mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 88, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy 01 cây gậy ống tre dài 83cm, đường kính 04cm.

- Trả lại cho chủ sở hữu bị cáo Nguyễn Văn T những tài sản thu giữ không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội: 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho chủ sở hữu bị cáo Trần Thăng L những tài sản thu giữ không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội: 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ ngân hàng Sacombank, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thăng L.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội gồm 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi; 01 điện thoại di động hiệu Wiko; Số tiền 3.700.000

đồng đã thu giữ theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 08-11-2018, đã được Công an huyện Di Linh nộp vào Ngân sách nhà nước theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước mã hiệu LDO660118, số CT 0008139 ngày 26-11-2018.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-4-2019).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thăng L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo, bị hại, NLQ (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

